

BIỂU TỔNG HỢP CHUNG

Trả lời, hướng dẫn các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
A	Khó khăn, vướng mắc chung các Chương trình mục tiêu quốc gia			
1	Huyện Mường Tè	Các văn bản hướng dẫn chưa đồng bộ, định mức kỹ thuật cho từng loại cây con giống chưa phù hợp, như tại Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu, quy định “tiêu chuẩn đối với giống lợn nội là 6kg/con”(tương đương với 40 ngày tuổi) chưa đáp ứng được tiêu chuẩn con giống trên thực tế, tỷ lệ rủi ro cao, tập quán của nhân dân địa phương không bán con giống nhỏ với tiêu chuẩn nêu trên. Do đó khó khăn trong việc tìm nguồn giống.	Định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn con giống vật nuôi quy định tại Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND, ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh Lai Châu (Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND) được xây dựng và quy định trên cơ sở Quyết định số 663/QĐ-BNN-KN ngày 03/2/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành các định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng cho các dự án khuyến nông Trung ương. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, việc áp dụng định mức tiêu chuẩn theo Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND đối với giống lợn nội, để thực hiện các chương trình dự án tại một số địa phương rất khó khăn, do không tìm được nguồn cung ứng con giống đáp ứng yêu cầu theo quy định (lợn giống 40 ngày tuổi, có khối lượng là 6kg/con). Tiếp thu ý kiến của UBND huyện Mường Tè, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ báo cáo, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.	Văn bản số: 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp &PTNT
2	Huyện Sìn Hồ	Đối tượng của các Dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi thuộc lĩnh vực hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đa phần là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Các hộ gia đình đều thiếu đất sản xuất, thiếu lực lượng lao động và điều kiện kinh tế khó khăn do đó việc đáp ứng điều kiện các quy định khi tham gia thực hiện các dự án, việc đối ứng kinh phí để tham gia thực hiện các chương trình chưa đảm bảo. Đặc biệt đối với nội dung hỗ trợ thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 9 Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi đối với dân tộc Mảng	Nội dung hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ tiêm vắc-xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm thuộc tiểu Dự án 1, Dự án 9. Đề nghị huyện nghiên cứu thực hiện Tại điểm a khoản 9 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg, điểm a, khoản 2, điều 40 Thông tư 55/2023/TT-BTC, điểm “b) khoản 27, điều 1 Thông tư 02/2023/TT-UBND và các văn bản có liên quan để triển khai thực hiện.	Văn bản số 710/BDT-CSDT ngày 21/9/2023 của Ban Dân tộc

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
3	Huyện Sìn Hồ	Theo Hướng dẫn số 1132/HD-SNN ngày 02/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT đối với Chuồng trại chăn nuôi lợn: Đảm bảo tiêu chuẩn 03 cứng; diện tích xây dựng từ 1,3-1,5m2/con lợn thịt, 4-5 m2/con đối với lợn nái sinh sản; tường chuồng xây lửng bằng gạch trát vữa hai mặt, độ dày từ 10cm trở lên và cao từ 0,8m trở lên; có hệ thống rãnh thoát nước và chất thải xung quanh hoặc phía sau chuồng nuôi; có hố ủ phân để thu gom và xử lý chất thải. Do đó, đối tượng thực hiện của các chương trình chủ yếu là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ neo đơn dẫn đến việc đối ứng kinh phí gặp nhiều khó khăn và khó đáp ứng các điều kiện về chuồng trại.	Về yêu cầu tiêu chuẩn chuồng trại như Hướng dẫn số 1132/HD-SNN của Sở Nông nghiệp và PTNT nhằm đảm bảo sử dụng lâu dài, ứng phó với những diễn biến thay đổi của thời tiết, đảm bảo hợp vệ sinh, tạo điều kiện tốt cho vật nuôi phát triển ổn định, hướng tới phát triển chăn nuôi bền vững. Mặt khác theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh, trong đó quy định mức hỗ trợ chuồng trại tương đương với mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 – 2025, là 600.000 đ/m ² . Với mức hỗ trợ như trên thì việc xây dựng chuồng trại đảm bảo tiêu chuẩn như hướng dẫn, kinh phí đối ứng là không lớn. Người dân có thể đối ứng bằng công lao động, vật liệu sẵn có... nhằm đảm bảo theo quy định của chương trình. Đồng thời cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn vận động nhân dân để người dân nắm rõ và thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả các chính sách hỗ trợ.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp & PTNT
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	Theo khoản 5, Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP: <i>“Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo”</i>	Đề nghị các bộ, ngành trung ương hướng dẫn nội dung này	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp & PTNT
B	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			
1	Huyện Tân Uyên	- Việc duy trì và nâng cao các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 còn nhiều khó khăn, đặc biệt là tiêu chí thu nhập, giảm nghèo. Nguyên nhân chủ yếu do cơ sở hạ tầng nông thôn chưa thực sự phát triển, một số nơi đã hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung tuy nhiên chưa thu hút	Việc duy trì và nâng cao các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 còn nhiều khó khăn, đặc biệt là tiêu chí thu nhập, giảm nghèo. Khó khăn này không chỉ riêng đối với huyện Tân Uyên mà cũng là khó khăn chung của hầu hết các huyện trong tỉnh. Có nhiều nguyên nhân	Văn bản số 2058/SNN-VPĐP ngày 19/9/2023 của Sở Nông nghiệp & PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		được nhiều nhà đầu tư vào khu vực nông thôn, chưa có nhà máy chế biến sâu để nâng cao giá trị sản phẩm; liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế; một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, sản phẩm OCOP chưa được tiêu thụ mạnh, mặt khác, do vị trí các xã, bản cách xa trung tâm thành phố và các đô thị lớn của cả nước nên chi phí vận chuyển tăng cao, khó khăn trong việc cạnh tranh và tiêu thụ sản phẩm. - Nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, phong tục tập quán sinh hoạt, canh tác lạc hậu của Nhân dân còn tồn tại ở một số nơi. - Nguồn vốn của Nhà nước cho chương trình mục tiêu xây dựng NTM còn hạn hẹp; khó khăn trong huy động nguồn lực từ Doanh nghiệp, người dân, việc phân bổ, bố trí vốn đầu tư các công trình để đáp ứng tiêu chí huyện nông thôn mới.	ảnh hưởng đến việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí như: Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới chỉ đạt ở mức tối thiểu so với Bộ tiêu chí; Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 có bổ sung thêm nhiều tiêu chí thành phần, một số tiêu chí được nâng lên ở mức độ cao hơn, khó thực hiện hơn so với các giai đoạn trước như: Thu nhập, hộ nghèo, y tế, môi trường...; bên cạnh đó cũng có nguyên nhân chủ quan đó là sự thiếu quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền địa phương trong chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình và vai trò chủ thể người dân trong xây dựng nông thôn mới ở một số nơi còn mờ nhạt, nguồn lực để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí còn hạn chế. Để thực hiện tốt công tác duy trì và nâng cao các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị thực hiện một số giải pháp như sau: - Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia tích cực trong xây dựng nông thôn mới, huy động tối đa nguồn lực trong nhân dân và lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án triển khai trên địa bàn để duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí. - Cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. - Trên cơ sở nguồn vốn của các chương trình, dự án đã được giao trung hạn giai đoạn 2021-2025, đề nghị UBND huyện Tân Uyên chỉ đạo cơ quan chuyên môn, các xã rà soát cụ thể từng tiêu chí thành phần của các xã để có giải pháp thực hiện phù hợp; rà soát, cơ cấu lại danh mục dự án giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn huyện, trong đó ưu tiên để hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt. Phân rõ trách nhiệm cụ thể tiêu chí nào do nhân dân thực hiện, tiêu chí nào đề xuất ngân sách nhà nước hỗ trợ và lộ trình thời gian thực hiện các tiêu chí. Kết quả rà soát danh mục vốn, tiêu chí nông thôn mới của các xã,	

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			huyện; đề xuất bổ sung kinh phí của huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.	
2	Huyện Than Uyên	- Một số chỉ tiêu chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế (Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 50\%$; Xã NTM nâng cao: Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt $\geq 90\%$; Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt $\geq 40\%$; Tỷ lệ dân số có sổ KCB điện tử $\geq 70\%$) nên khó thực hiện. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế còn thấp so với kế hoạch. - Tiêu chí Trung tâm Y tế đạt chuẩn hiện thiếu khoảng 3.200m² - 4980m² diện tích xây dựng nhưng chưa có nguồn đầu tư; Nguồn kinh phí để thực hiện đầu tư các dự án còn thấp (ví dụ như dự án: Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Than Uyên, Nâng cấp đường trục đường từ QL 32 vào xã Mường Mít...) chưa đảm bảo để thực hiện.	a) Một số chỉ tiêu chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế xã NTM: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 50\%$; Xã NTM nâng cao: Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt $\geq 90\%$; Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt $\geq 40\%$; Tỷ lệ dân số có sổ KCB điện tử $\geq 70\%$). Đối với các tiêu chí này Bộ Y tế đã có Quyết định số 2373/QĐ-BYT ngày 31/8/2022 về ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trong phạm vi quản lý của Bộ y tế, đề nghị UBND huyện Than Uyên nghiên cứu triển khai thực hiện. b) Tiêu chí Trung tâm Y tế đạt chuẩn hiện thiếu khoảng 3.200m² – 4.980m² diện tích xây dựng nhưng chưa có nguồn đầu tư; Nguồn kinh phí để thực hiện đầu tư các dự án còn thấp (ví dụ như dự án: Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Than Uyên, Nâng cấp đường trục đường từ QL 32 vào xã Mường Mít...) chưa đảm bảo để thực hiện. Đến nay, nguồn vốn đầu tư công trung hạn thực hiện các chương trình MTQG đã được UBND tỉnh giao cho các huyện, thành phố theo quy định; hàng năm ngân sách tỉnh cũng ưu tiên bố trí cho huyện Than Uyên hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới. Để đảm bảo hoàn thiện các nội dung đầu tư theo đề xuất của huyện cũng như việc hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, tiêu chí huyện nông thôn mới và phấn đấu đến năm 2025 huyện Than Uyên đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND huyện quan tâm các nhiệm vụ, giải pháp sau: - Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia tích cực trong xây dựng nông thôn mới, huy động tối đa nguồn lực trong	Văn bản số 2057/SNN-VPĐP ngày 19/9/2023 của Sở Nông nghiệp & PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			nhân dân và lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án triển khai trên địa bàn để hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt. - Cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. - Trên cơ sở nguồn vốn của các chương trình, dự án đã được giao trung hạn giai đoạn 2021-2025, đề nghị UBND huyện Than Uyên chỉ đạo cơ quan chuyên môn, các xã rà soát cụ thể từng tiêu chí thành phần của các xã để có giải pháp thực hiện phù hợp; rà soát, cơ cấu lại danh mục dự án giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn huyện, trong đó ưu tiên để hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt. Phân rõ trách nhiệm cụ thể tiêu chí nào do nhân dân thực hiện, tiêu chí nào đề xuất ngân sách nhà nước hỗ trợ và lộ trình thời gian thực hiện các tiêu chí. Kết quả rà soát danh mục vốn, tiêu chí nông thôn mới của các xã, huyện; đề xuất bổ sung kinh phí của huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.	
3	Sở Y tế	Khó tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung sau: Tiêu chí 15.1- 14.1 - 5.1 (Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 90\%$ - 95% - trong Bộ TC xã NTM, NTM nâng cao; Bộ TC huyện NTM nâng cao): Tác động từ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Lai Châu có 46 xã khu vực I (tăng 38 xã), 02 xã khu vực II (giảm 36 xã), 58 xã khu vực III (giảm 04 xã).	Ngày 13/7/2023, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh.	Văn bản số 1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023 của Sở Y tế
4	Sở Y tế	- Tiêu chí 15.2 (xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế) ngày 09/3/2023, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định số 1300/QĐ-BYT về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. Bộ tiêu chí này đã điều chỉnh nâng cao hơn kết quả thực hiện các tiêu chí quốc gia về y tế xã so với giai đoạn 2011 - 2020. Do đó việc đáp ứng, duy trì kết quả theo Bộ tiêu chí mới cũng có	Ngày 30/6/2023, Sở Y tế đã có báo cáo số 277/BC-SYT gửi Bộ Y tế đồng thời kiến nghị Bộ Y tế xem xét bãi bỏ nội dung tiêu chí 15.4 và 14.3, 14.4 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Do Bộ Y tế đang trong lộ trình xây dựng các quy định cụ thể về hồ sơ sức khỏe cá nhân, sổ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ	Văn bản số 1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023 của Sở Y tế

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		nhiều khó khăn (những khó khăn trong thực hiện các tiêu chí của NTM cũng là một phần khó khăn của xây dựng xã đạt TCQG về y tế). - Tiêu chí 15.3 (Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) $\leq 24\%$ - trong Bộ TC xã NTM): công tác phòng, chống suy dinh dưỡng ở trẻ em <5 tuổi được toàn tỉnh tăng cường đẩy mạnh, tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em đã có xu hướng giảm dần theo từng năm (năm 2016 ở mức 34%, đến tháng 6 năm 2023 giảm còn 22,9%). Do tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em <5 tuổi còn ở mức cao, đặc biệt là suy dinh dưỡng thể thấp còi. Vấn đề suy dinh dưỡng ở trẻ em liên quan mật thiết đến sự phát triển về kinh tế - xã hội của địa phương. Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn do đó hiệu quả công tác phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em chuyển biến chậm. Tháng 6/2023, toàn tỉnh còn 36/94 xã chưa tiêu chí này (chiếm tỷ lệ 38,3%). - Tiêu chí 14.3 (Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa $\geq 40\%$ - trong Bộ TC xã NTM nâng cao). Hiện nay Bộ Y tế đang trong lộ trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn triển khai về hồ sơ sức khỏe các nhân, sổ sức khỏe điện tử, khám, chữa bệnh từ xa theo Luật khám, chữa bệnh số 15/2023/QH15. - Tiêu chí 5.1 (TTYT huyện đạt chuẩn – trong Bộ TC huyện nông thôn mới): Theo Quyết định số 2373/QĐ-BYT ngày 31/8/2022 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế: Tiêu chí TTYT huyện đạt chuẩn là về cơ sở hạ tầng.	xa theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15. Mặt khác, điều kiện cơ sở hạ tầng, nền tảng công nghệ thông tin tại các đơn vị y tế chưa đồng bộ, trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ nhân viên y tế còn hạn chế. Vì vậy đề nghị chuyển các nội dung này sang thực hiện ở các giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với tình hình thực tế.	
5	Sở Thông tin – Truyền	Thực hiện Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Lai Châu, Sở Thông tin và Truyền thông	- <i>Thứ nhất:</i> Về đề nghị điều chỉnh giảm số xã triển khai tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin cơ sở từ 05 xã xuống	Văn bản số 1749/STC-QLNS

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	thông	phân bổ dự toán chi tiết cho các đơn vị dự toán thực hiện kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chế độ, chính sách năm 2023. Theo đó, UBND tỉnh giao phân bổ kinh phí cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai nội dung tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với số tiền: 1.350 triệu đồng đầu tư thiết lập mới và nâng cấp Đài Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã: Mường Kim, Phúc Than, Nậm Cắn, Mường Khoa, Bình Lư. Qua rà soát hiện nay xã Nậm Cắn, Huyện Tân Uyên; xã Mường Khoa huyện Tân Uyên đã được đầu tư Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin. Như vậy nhu cầu thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã năm 2023 tại các xã: Mường Kim, Phúc Than, Bình Lư. Theo khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: "...Mức hỗ trợ theo dự án được duyệt, tối đa 50 triệu đồng/đài truyền thanh xã (chưa bao gồm cụm loa đến tại thôn bản); tối đa 30 triệu đồng/cụm loa của đài truyền thanh xã đặt tại các thôn, bản)" Như vậy dự toán cần bố trí để thiết lập mới, nâng cấp Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã: Mường Kim, Phúc Than, Bình Lư là: 1.710.000.000 đồng bao gồm: - Đầu tư đài truyền thanh tại trung tâm xã: 03 đài truyền thanh xã x 50 triệu đồng/đài = 150.000.000 đồng - Cụm loa tại các thôn, bản: 52 thôn, bản (gồm Mường Kim (19 thôn bản), Phúc Than (18 bản), Bình Lư (15 bản): 52 x 30 triệu/cụm loa = 1.560 triệu đồng Tổng dự toán giao: 1.350 triệu đồng như vậy không đảm bảo dự toán để triển khai thiết lập mới, nâng cấp đài	03 xã: + Trên cơ sở đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông lập, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND tỉnh ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó tại Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cụ thể thực hiện tại 5 xã: Mường Kim, Phúc Than, Nậm Cắn, Mường Khoa, Bình Lư. Do đó, việc đề nghị điều chỉnh giảm địa điểm thực hiện từ 5 xã xuống còn 3 xã thì phải trình HĐND tỉnh. + Để có cơ sở tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, đánh giá cụ thể hiện trạng cơ sở vật chất hệ thống thông tin cơ sở tại 5 xã đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án theo quy định, sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cụ thể, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung theo quy định. - <i>Thứ hai:</i> Về việc đề nghị bổ sung kinh phí bằng mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: + Tại khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Mức hỗ trợ mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 50 triệu đồng/đài truyền thanh xã (chưa bao gồm cụm loa tại các thôn, bản); tối đa 30 triệu đồng/cụm loa của đài truyền thanh xã đặt tại các thôn, bản". + Như vậy, mức hỗ trợ tại Nghị quyết trên là mức tối đa theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhưng hiện nay dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cụ thể, Sở Thông tin và	ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		truyền thanh xã theo Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Lai Châu. Số kinh phí đề nghị bổ sung: 360.000.000 đồng	Truyền Thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung theo quy định.	
C	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			
I		Dự án 2:		
1	Huyện Nậm Nhùn	Khó khăn trong việc đối ứng 30% con giống và thức ăn (chăn nuôi lợn). Đối tượng thực hiện dự án chủ yếu hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn	Hiện tại Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC để thay thế Thông tư 15/2022/TT-BTC, Thông tư số 46/2022/TT-BTC, Thông tư số 53/2022/TT-BTC, trong đó tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC có quy định "Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ: Nội dung và mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi mức hỗ trợ một (01) dự án đa dạng hóa sinh kế đã được phê duyệt và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 9 Điều 4 Thông tư này" và tại khoản 3 Điều 58 Thông tư 55/2023/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp lại thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư 55/2023/TT-BTC. Do đó, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 5 Quyết định 06/2023/QĐ-UBND theo hướng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
2	Huyện Tân Uyên	- Về hỗ trợ vật nuôi: Tại Quyết định 06/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 chỉ quy định hỗ trợ 70% chi phí mua con giống, không quy định cụ thể đối tượng tham gia dự án được hỗ trợ tối đa kinh phí bao nhiêu hoặc hỗ trợ tối đa bao nhiêu con giống, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ. - Về việc thu hồi vốn để quay vòng: Đối tượng tham gia dự án vừa phải đối ứng, vừa bị thu hồi vốn để quay vòng trong thời gian ngắn, không có khả năng thực hiện dự án.	- Hiện tại chỉ có tại khoản 2 Điều 42 Thông tư số 15/2022/TT-BTC có quy định mức hỗ trợ cho một hộ trong cả giai đoạn để thực hiện Tiểu dự án 1 dự án 9 thuộc Quyết định 1719/QĐ-TTg, còn lại các dự án khác về hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia chưa có văn bản nào của trung ương quy định. Để đảm bảo thực hiện theo các quy định hiện hành, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 5 Quyết định 06/2023/QĐ-UBND theo hướng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC, do đó, việc quy định đối tượng tham gia dự án được hỗ trợ tối đa bao nhiêu kinh phí hoặc tối đa bao nhiêu con giống do cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi mức hỗ trợ một (01) dự án đa dạng hóa sinh kế đã được phê duyệt và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 9 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC. - Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn sớm tham mưu sửa đổi Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND theo hướng giảm tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT
II		Tiểu dự án 1 - Dự án 3		
1	Huyện Nâm Nhùn	Việc đối ứng của nhân dân, đối tượng thực hiện chủ yếu hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn, ko đủ vốn đối ứng.	Tại khoản 5 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 27 quy định rõ Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn ...Như vậy 20% còn lại là đối ứng nên khi lập dự án /kế hoạch phân đối ứng còn lại là của nhân dân (nhân dân đối ứng bằng công lao động...) và doanh nghiệp, các bên liên quan đến dự án, kế hoạch liên kết.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Huyện Tân Uyên	- Đối với Dự án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm: Hỗ trợ vật nuôi 70% chi phí mua con giống; tỷ lệ đối ứng cao so với khả năng của đối tượng tham gia dự án nên không có khả năng đối ứng. - Về việc thu hồi vốn để quay vòng: Đối tượng tham gia dự án vừa phải đối ứng, vừa bị thu hồi vốn để quay vòng trong thời gian ngắn, không có khả năng thực hiện dự án.	Hiện tại Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC để thay thế Thông tư 15/2022/TT-BTC, Thông tư số 46/2022/TT-BTC, Thông tư số 53/2022/TT-BTC, trong đó tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC có quy định "Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			dịch vụ: Nội dung và mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi mức hỗ trợ một (01) dự án đa dạng hóa sinh kế đã được phê duyệt và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 9 Điều 4 Thông tư này" và tại khoản 3 Điều 58 Thông tư 55/2023/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp lại thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư 55/2023/TT-BTC . Do đó, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 5 Quyết định 06/2023/QĐ-UBND theo hướng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 55/2023/TT-BTC. - Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn sớm tham mưu sửa đổi Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND theo hướng giảm tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng.	
3	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Đối với quy định hỗ trợ chăn nuôi: Hỗ trợ 70 % con giống và 100% vắc xin, chưa có hỗ trợ thức ăn chăn nuôi cho vật nuôi, vì vậy, đối tượng hưởng thụ cần phải đối ứng nhiều, không đủ nguồn lực để đối ứng (nhất là chăn nuôi lợn tập trung) và đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung tăng mức hỗ trợ đối với dự án chăn nuôi. - Tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 chỉ quy định hỗ trợ 70% chi phí mua con giống, không quy định cụ thể đối tượng tham gia dự án được hỗ trợ tối đa bao nhiêu kinh phí hoặc tối đa bao nhiêu con giống. Có văn bản quy định mức hỗ trợ cả giai đoạn cho từng đối tượng thụ hưởng, cụ thể của từng dự án, tiểu dự. - Đối với các dự án phát triển sản xuất do cộng đồng đề xuất, đối tượng tham gia dự án vừa phải đối ứng, vừa phải nộp vốn thu hồi để quay vòng trong thời gian ngắn, không có khả năng thực hiện.		
III		Tiểu dự án 2 - Dự án 3		
1	Sở Y tế	Trung ương chưa thực hiện được Hướng dẫn, tổ chức khảo	- Đề nghị các đơn vị tuyến huyện nghiên cứu khoản 1, khoản 2,	Văn bản số

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch.	Điều 9 Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: 1. Thực hiện kiểm tra sức khỏe vào đầu năm học để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe: đo chiều cao, cân nặng đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi; đo chiều cao, cân nặng, huyết áp, nhịp tim, thị lực đối với học sinh từ 36 tháng tuổi trở lên. 2. Đo chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực cho trẻ dưới 24 tháng tuổi mỗi tháng một lần và cho trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 6 tuổi mỗi quý một lần; theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI) ít nhất 02 lần/năm học để tư vấn về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực đối với học sinh phổ thông. - Hiện nay Bộ Y tế chưa tập huấn về tổ chức, khảo sát, theo dõi đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm về định kỳ theo kế hoạch. Vì vậy Sở Y tế đề nghị Bộ Y tế tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn cho cán bộ y tế và trường học để triển khai thực hiện.	1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023 của Sở Y tế
2	Sở Y tế	Trung ương chưa thực hiện được nội dung Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng... Do Bộ Giáo dục chưa ban hành hướng dẫn theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025.	Để đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên, ngày 14/12/2021 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 4659/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học; Quyết định số 4280/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2022 về việc phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh trung học cơ sở. Như vậy Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành đầy đủ văn bản hướng dẫn tiêu chí theo quy định, đề nghị Sở Y tế tiếp tục tham	Văn bản số 2097/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			mưu thực hiện nội dung của Tiểu dự án 2 - Dự án 3 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.	
3	Sở Y tế	Trung ương chưa thực hiện Cung cấp sắt cho trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ có thai. Bộ Y tế chưa có hướng dẫn cụ thể về bổ sung sắt cho đối tượng trẻ học đường suy dinh dưỡng từ 12-16 tuổi	Ngày 06/9/2023, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định 3452/QĐ-BYT Hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc CTMTQG GNBV giai đoạn 2021-2025 để thực hiện nội dung trên.	Văn bản số 1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023 của Sở Y tế
4	Sở Y tế, Thành phố Lai Châu	Cải thiện dinh dưỡng (thuộc dự án 3): Đề xuất đối với Bộ Y tế: Tại Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có đưa ra mục tiêu cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi, không nói đến giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân vì vậy đơn vị xin kiến nghị bổ sung triển khai nội dung giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đối với trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo.	Ngày 28/7/2023, Sở Y tế đã có báo cáo số 325/BC-SYT gửi UBND tỉnh, đồng thời đã gửi Bộ Y tế; Sở NN&PTNT; Sở GD&ĐT; UBND&TTYT huyện, thành phố giải đáp ý kiến của Thành phố, cụ thể: Sở Y tế đề nghị giữ nguyên tỷ lệ suy dưỡng thể thấp còi trong giai đoạn này mà không bổ sung triển khai nội dung giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đối với trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo với lý do Căn cứ vào mục tiêu đã được quy định tại các văn bản: Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 của Bộ Y tế; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 136/KH-TU ngày 20/3/2018 của Tỉnh ủy Lai Châu; Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu nhằm nâng chiều cao phù hợp với cân nặng của trẻ em (đã có báo cáo số 325/BC-SYT gửi đơn vị).	Văn bản số 1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023 của Sở Y tế
5	Thành phố Lai Châu	Đề nghị Sở Y tế Lai Châu: Tổ chức các lớp tập huấn về chương trình dinh dưỡng cho trẻ dưới 16 tuổi cho cán bộ, viên chức tuyến huyện và tuyến xã. Cung cấp tài liệu truyền thông chuẩn về dinh dưỡng cho trẻ từ 5-16 tuổi, tài liệu tập huấn cải thiện dinh dưỡng cho trẻ dưới 16 tuổi để Trung tâm y tế huyện sớm triển khai dự án.	- Đối với nội dung tập huấn: Đề nghị các đơn vị lập kế hoạch nhu cầu tập huấn gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để tổng hợp và phối hợp tổ chức thực hiện trong tháng 10/2023. - Đối với tài liệu truyền thông: Căn cứ tài liệu hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế giao Trung tâm KSBT tỉnh hướng dẫn các đơn vị thực hiện.	Văn bản số 1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023 của Sở Y tế
6	Huyện Than Uyên	Hiện nay chưa có văn bản mới chỉnh sửa, bổ sung Quyết định số 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 nên việc mua sắm các sản phẩm dinh dưỡng theo Quyết định 1768/QĐ-BYT nên chưa thực hiện được (không có sản phẩm dinh dưỡng	Ngày 06/9/2023 Bộ Y tế đã ban hành Quyết định 3452/QĐ-BYT thay thế Quyết định 1768/QĐ-BYT ngày 30/6/2022 Hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đề nghị	Văn bản số 1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023 của Sở Y tế

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		phù hợp về hàm lượng, thành phần để mua sắm)	đơn vị căn cứ thực hiện.	
IV		Tiểu dự án 1 - Dự án 4		
1	Sở Lao động – Thương Binh và Xã hội	Không thực hiện được hỗ trợ cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên về nội dung sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị đào tạo	Căn cứ Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 3 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, tại phần trả lời kiến nghị số 01 chỉ rõ trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp nên không thuộc đối tượng thụ hưởng từ chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời ngày 09/8/2023, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1309/SLĐTBXH-QLLĐ-GDNN triển khai công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (có văn bản kèm theo). Tuy nhiên, quy định này chưa thực sự phù hợp. Lí do: Trước khi sáp nhập, trung tâm dạy nghề (Trung tâm giáo dục nghề nghiệp) là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, sau khi sáp nhập trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc cơ sở giáo dục thường xuyên, trong khi trung tâm vẫn thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề. Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề, trung tâm cần được đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo. Vậy Sở Lao động - TB&XH kiến nghị UBND tỉnh đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, trình Chính phủ bổ sung Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là đối tượng thụ hưởng kinh phí Chương trình Mục tiêu quốc gia.	Văn bản số 1540/SLĐTBXH-QLLĐ-GDNN ngày 19/9/2023 của Sở Lao động, TB&XH
2	Sở Lao động – Thương Binh và Xã hội, Thành phố Lai Châu	Hiện đối tượng học nghề, nhu cầu học nghề của năm 2023 đã hết. Do đầu năm 2023, thành phố đã được tỉnh giao 440 triệu đồng để tổ chức các lớp đào tạo nghề theo đề án của Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ (thành phố đã tổ chức triển khai 05 lớp đào tạo nghề với 165 học viên). Kiến nghị: Dự án 4 có hai nhóm đối tượng: Nhóm 1 (gồm	Để tháo gỡ khó khăn cho các huyện, thành phố về vấn đề xác định đối tượng đào tạo nghề là “người lao động có thu nhập thấp”, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1401/SLĐTBXH-QLLĐ-GDNN ngày 30/9/2022 đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định đối tượng “người lao động có thu nhập thấp”. Ngày 31/7/2023, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động – Thương binh	Văn bản số 1540/SLĐTBXH-QLLĐ-GDNN ngày 19/9/2023 của Sở Lao động, TB&XH

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo), hầu hết đã được đào tạo theo Đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nhóm 2 (người lao động có thu nhập thấp), hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể thể nào là “người lao động có thu nhập thấp”. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản hướng dẫn quy định rõ thể nào là “người lao động có thu nhập thấp” hoặc thay thế đối tượng này bằng các đối tượng khác cho phù hợp.	và Xã hội có Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 3 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, trong phần trả lời kiến nghị số 08 viết: Khái niệm “người thu nhập thấp, hộ thu nhập thấp” đã được nêu tại Khoản 5, Điều 1, Nghị định 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 100/2015/NĐ – CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, phát triển nhà ở xã hội và tại Khoản 2, Điều 79, Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, đối với quy định về “người lao động có thu nhập thấp” trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có văn bản đề xuất chính phủ giao UBND các huyện, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể nhóm đối tượng này để áp dụng trên phạm vi địa phương. Đề nghị các địa phương trong khi chưa có quy định xác định đối tượng nêu trên, tập trung đào tạo cho các đối tượng khác của chương trình”	
V		Dự án 6		
1	Sở Thông tin – Truyền thông	- Ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, theo đó thông tư này thay thế các Thông tư: số 15/2022/TT-BTC ngày 4/3/2022 của Bộ Tài chính; Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2023 của Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2023 của Bộ Tài chính. Tại khoản 4, Điều 76, Thông tư số 55/2023/TT-BTC: “4. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III), xã đảo, huyện đảo (trong trường hợp huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã): Thực	Ngày 28/7/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 46/2022/TT-BTC trong đó tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư có quy định: "4. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo (trong trường hợp huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông: Căn cứ yêu cầu thực tế, thời gian phục vụ và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung và mức chi cụ thể. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu." Trên cơ sở quy định của Bộ Tài chính và chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Ban	Văn bản số 1749/STC-QLNS ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương đối với thiết lập mới đài truyền thanh xã tối đa 300 triệu đồng/xã/huyện đảo. Mức hỗ trợ nâng cấp, chuyển đổi công nghệ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ thiết lập mới. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quản lý, sử dụng tài sản công”. Việc quy định mức hỗ trợ làm căn cứ để trung ương phân bổ ngân sách cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III), xã đảo, huyện đảo. Tại khoản 2, Điều 7, Thông tư 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông: “4. Nội dung thực hiện: a) Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh; b) Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền: - Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn, bản trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã; - Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.” Tại khoản 4, Thông tư 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông: “4. Ưu tiên thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã: a) Xã chưa có đài truyền thanh ở khu vực biên giới, hải đảo; b) Các xã thuộc khu vực III khác chưa có đài truyền thanh; c) Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh đối với xã	hành Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/2/2023. Tuy nhiên ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC trong đó tại khoản 4 Điều 36 Thông tư đã quy định cụ thể mức chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy hiện nay đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện theo đúng định mức quy định nêu trên của Bộ Tài chính. Sở Tài chính sẽ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bãi bỏ quy định tại Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND. - Đối với kiến nghị của Sở Thông tin và Truyền thông Sở Tài chính sẽ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kiến nghị, đề xuất Bộ Tài chính theo quy định. - Mặt khác để đảm bảo mục tiêu của Chương trình đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông rà soát cụ thể nhu cầu kinh phí thực hiện thiết lập mới, nâng cấp cơ sở vật chất cho đài truyền thanh các xã có điều kiện-kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, xây dựng chi tiết từng nội dung, từng xã làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền.	

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		<i>biên giới, xã đảo.”</i> Căn cứ vào tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu: các xã thuộc phạm vi thực hiện là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III); diện tích mỗi xã rộng, địa hình núi cao xen lẫn thung lũng sâu; xã có nhiều thôn bản. Để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền cần mở rộng hoạt động của đài truyền thanh đối với các xã biên giới. Thực hiện Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chế độ, chính sách năm 2023; Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chế độ, chính sách năm 2023, thì nguồn vốn thực hiện tiểu dự án 1, dự án 6 thuộc chương trình mục tiêu gia giảm nghèo bền vững, 100% là nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương. Tính theo mức hỗ trợ quy định tại điều 15, Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28/2/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Ví dụ đối với 1 xã có 10 thôn bản: 01 đài truyền thanh xã (cụm loa tại trung tâm xã) x 50 triệu đồng + 10 bản x 30 triệu/cụm thôn bản = 350 triệu đồng/đài xã (chưa bao gồm mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng CNTT- Viễn thông đối với thôn bản trong xã). Việc quy định tại khoản 4, Điều 76, Thông tư số 55/2023/TT-BTC “ mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương đối với thiết lập mới đài truyền thanh xã tối đa 300 triệu đồng/xã/huyện đảo. Mức hỗ trợ nâng cấp, chuyển đổi công nghệ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ thiết lập mới” rất khó khăn đối với đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện nhiệm vụ này.		
D		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
I		Dự án 1		
1	Huyện Sìn Hồ	Hỗ trợ đất ở 1.000 triệu đồng, hỗ trợ đất sản xuất 1.921 triệu đồng (vốn đầu tư) chưa có hướng dẫn của UBND tỉnh để triển khai thực hiện	Về quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng: Thực hiện theo Hướng dẫn số 537/HD-BDT ngày 14/9/2022 của Ban Dân tộc tỉnh. Về hồ sơ thanh quyết toán: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (tại Điều 9 Nghị định 38/2023/NĐ-CP).	Văn bản số 710/BDT-CSDT ngày 21/9/2023 của Ban Dân tộc
II		Dự án 2		
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Công tác hỗ trợ di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 55/TT-BTC “Mức hỗ trợ kinh phí di chuyển tính theo thực tế khi lập dự án, căn cứ quãng đường thực tế và đơn giá của loại phương tiện phổ thông tại địa phương. Trường hợp tự túc phương tiện, tự di chuyển bằng đường bộ: mức hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 4 Thông tư này”. Như vậy còn khó khăn cho các chủ đầu tư khi lập dự án, không có cơ sở tính toán cho các hộ như hộ độc thân và hộ có từ 4 hoặc 5 nhân khẩu hoặc hộ có nhiều hơn 5 nhân khẩu thì được tính hỗ trợ bao nhiêu chuyến/hộ. Qua các Quyết định phê duyệt dự án của các chủ đầu tư, hầu hết nội dung hỗ trợ di chuyển đều ước chừng, chưa có cơ sở tính toán cho sát với thực tế. Do vậy đề nghị nội dung hỗ trợ này kiến nghị Bộ tài chính hướng dẫn bổ sung thêm quy định về số chuyến/hộ đối với hộ độc thân và các hộ khác còn lại để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.	Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 55/TT-BTC “Mức hỗ trợ kinh phí di chuyển tính theo thực tế khi lập dự án, căn cứ quãng đường thực tế và đơn giá của loại phương tiện phổ thông tại địa phương. Trường hợp tự túc phương tiện, tự di chuyển bằng đường bộ: mức hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 4 Thông tư này”. Mặt khác tại điểm d khoản 10 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định "d) Trường hợp tự túc phương tiện, tự di chuyển bằng đường bộ: Mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm thực hiện hoạt động; Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, vật tư trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên". Do vậy đề nghị các chủ đầu tư khi lập dự án, hoặc thanh toán kinh phí tự túc di chuyển cho các hộ xác định theo đúng độ dài quãng đường và đơn giá theo quy định trên không phân biệt hỗ trợ theo nhân khẩu của từng hộ.	Văn bản số 1749/STC-QLNS ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính
2	Huyện Phong Thổ	Chưa có hướng dẫn theo Điều 16 của Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc (UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện: (i) Xây dựng quy trình rà soát đối tượng; tổ chức rà soát, xác định và phê duyệt đối tượng; lựa chọn	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1719/QĐ-TTg, có quy định như sau: - Giao Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		<i>hình thức bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ) bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. (ii) Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định)</i>	tổ chức thực hiện Dự án. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất. Tuy nhiên tại Điều 16 Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của UBND không hướng dẫn cụ thể, mà giao: UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện: (i) Xây dựng quy trình rà soát đối tượng; tổ chức rà soát, xác định và phê duyệt đối tượng; lựa chọn hình thức bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ) bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. (ii) Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định. Nội dung này Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp thu ý kiến và đề nghị UBND huyện Phong Thổ có văn bản nêu rõ trong quá trình thực hiện dự án có vướng mắc khó thực hiện ở nội dung nào (ví dụ nội dung lựa chọn đối tượng; nội dung lập, thẩm định...) để cơ quan chuyên môn được biết để kịp thời tham mưu tháo gỡ trong quá trình triển khai thực hiện. * Về lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư: Thực hiện theo Điều 6, Nghị định 27/NĐ-CP việc lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản Chương trình theo Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.	PTNT
III		Tiểu dự án 1 - dự án 3		
1	Huyện Nậm Nhùn	Năm 2023, không thực hiện khoán khoán nuôi tái sinh tự nhiên do nguồn vốn này chỉ quy định thực hiện khoán khoán nuôi tái sinh trồng rừng bổ sung, để thực hiện khoán khoán nuôi tái sinh trồng rừng bổ sung trên địa bàn huyện Nậm Nhùn rất khó, do địa hình dốc, diện tích khoán nuôi tái sinh nằm rải rác không tập trung, xa khu dân cư. Hiện tại đối với nội dung hỗ trợ gạo trên địa bàn	- Tiểu dự án 1 Dự án 3 không hỗ trợ khoán nuôi tái sinh tự nhiên mà hỗ trợ khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung. Công tác giao kế hoạch và giao vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên cơ sở đăng ký của các huyện, do vậy, đề nghị huyện Nậm Nhùn chỉ đạo cơ quan chuyên môn tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện chương trình; đồng thời nghiên cứu kỹ các văn	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		tỉnh chưa có văn bản quy định hướng dẫn cụ thể về mức hỗ trợ và đối tượng được hưởng hỗ trợ gạo nên không có căn cứ thực hiện	bản hướng dẫn để thực hiện đảm bảo theo quy định. - Đối với nội dung trợ cấp gạo: Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu Sở xây dựng Tờ trình và dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, do văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT còn một số nội dung chưa thực sự rõ ràng, khó hiểu nên cần nghiên cứu thêm cho đảm bảo trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành.	
2	Huyện Nậm Nhùn	- Đối với nội dung hỗ trợ trồng rừng nguồn vốn phân bổ để thực hiện chỉ 10 triệu đồng/ha, thấp hơn định mức của tỉnh theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lai Châu là Hỗ trợ trồng Quế: Từ 20-24 triệu đồng/ha trong 4 năm; Hỗ trợ trồng cây khác: Từ 16-20 triệu đồng/ha trong 4 năm; Đầu tư trồng rừng phòng hộ: Tối đa 40 triệu đồng/ha trong 4 năm. Mặt khác các diện tích để thực hiện trồng rừng đa số là diện tích nương rẫy của người dân chưa được giao đất theo quy định nên không thể thực hiện được. - Đối với diện tích khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung: Diện tích rừng tái sinh thuộc lâm phận giao đất của Ban còn ít (khoảng 800 ha) đa số lại nằm xen kẽ trong các nương rẫy của người dân nên khả năng mất rừng sau đầu tư rất dễ xảy ra nên khó thực hiện. - Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: Hiện nay về mặt pháp lý, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Sìn Hồ mới được tỉnh giao đất, chưa được giao rừng nên không thực hiện được nội dung này, hơn nữa tất cả các diện tích rừng hiện có của huyện đã và đang thực hiện khoán bảo vệ rừng theo chương trình chi trả DVMTR, nếu thực hiện khoán bảo vệ rừng tiếp sẽ bị trùng lặp 2 chương trình đầu tư trên một diện tích (điều này các năm trước đây đã được Thanh tra tỉnh chỉ ra tồn	- Mức hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất thuộc chương trình được quy định tại Điều 9 Thông tư số 55/2023/TT-BTC. - Điểm b khoản 3 Điều 20 và điểm b khoản 3 Điều 21 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT quy định “Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp”. Do vậy, đối với những diện tích nương rẫy của người dân chưa được giao đất, đề nghị cơ quan chuyên môn của huyện xác định những diện tích đó có thuộc đối tượng “đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp” hay không để thực hiện hỗ trợ theo quy định. - Đối tượng hỗ trợ đối với hoạt động lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT là “Hộ gia đình thực hiện ... trên diện tích đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao” không phải diện tích đất thuộc lâm phận giao đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ. Đề nghị cơ quan chuyên môn của huyện nghiên cứu kỹ quy định để thực hiện đảm bảo. - Nội dung hỗ trợ khoán bảo vệ rừng có bị trùng chéo với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng hay không, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền ý kiến với các Bộ, ngành trung ương để được hướng dẫn.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		tại, hạn chế khi Ban thực hiện khoán bảo vệ rừng theo chương trình 30a). - Đối với nội dung trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ: Tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND của Ủy ban Dân tộc không có hướng dẫn cụ thể cho nội dung này cũng như các nội dung thuộc Tiêu dự án 1 của dự án 3.	- Đối với nội dung trợ cấp gạo: Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu Sở xây dựng Tờ trình và dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, do văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT còn một số nội dung chưa thực sự rõ ràng, khó hiểu nên cần nghiên cứu thêm cho đảm bảo trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành.	
3	Huyện Phong Thổ	Các qui định tại Điều 20, 21, 22 của Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT vẫn chưa được UBND tỉnh hướng dẫn tổ chức thực hiện (như: <i>Phê duyệt thiết kế, dự toán; xác định cụ thể đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực, mức trợ cấp cụ thể theo diện tích, số nhân khẩu phù hợp với địa phương....</i>). - Đối với nội dung trồng rừng: Các xã khu vực II, III không còn quỹ đất quy hoạch cho lâm nghiệp; Các hộ trồng rừng phần lớn không phải hộ nghèo; Diện tích đất trồng rừng của các hộ tham gia dự án chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có giấy chứng nhận cho thuê đất của cấp có thẩm quyền; Diện tích được phê duyệt trồng rừng sản xuất năm 2023 chủ yếu là đất nương, rẫy nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp, không nằm trong đối tượng được hỗ trợ, nên không thực hiện được. - Đối với nội dung khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ gạo: Toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn huyện hiện nay đang được khoán bảo vệ rừng theo chính sách chi trả DVMTR với đơn giá bình quân khoảng 1,2 triệu đồng/ha/năm (gấp trên 3 lần so với quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP là 400.000 đồng/ha/năm); Theo quy định tại Khoản 5, Điều 17, Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao	- Đối với các nội dung cần cấp có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể tại Điều 20, 21, 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT: Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu Sở xây dựng Tờ trình và dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, do văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT còn một số nội dung chưa thực sự rõ ràng, khó hiểu nên cần nghiên cứu thêm cho đảm bảo trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành. - Đối với nội dung các xã khu vực II, III không còn quỹ đất quy hoạch cho lâm nghiệp; các hộ trồng rừng phần lớn không phải hộ nghèo ...: Đề nghị UBND huyện Nậm Nhùn chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát kỹ đối tượng tham gia chương trình, trường hợp trên địa bàn huyện không còn đối tượng thuộc diện hỗ trợ của chương trình thì báo cáo và không đề xuất cấp có thẩm quyền giao kế hoạch và phân bổ vốn thực hiện. - Đối với nội dung hỗ trợ khoán bảo vệ rừng có bị trùng chéo với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng hay không, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền ý kiến với các Bộ, ngành trung ương để được hướng dẫn.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp, quy định “trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau quy định thì tổ chức, cá nhân, cộng đồng chỉ được nhận hỗ trợ từ một chính sách mà có lợi nhất, cao nhất cho đối tượng nhận hỗ trợ”. Như vậy, để đảm bảo thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng theo đúng quy định (trên cùng một diện tích rừng không nhận hỗ trợ quá 2 lần tiền công bảo vệ rừng) và hiện nay diện tích rừng trên địa bàn huyện hàng năm đang được chi trả tiền khoán bảo vệ từ nguồn DVMTR có lợi nhất (lớn nhất), nên không thể thực hiện giải ngân vốn được giao thực hiện theo Nghị quyết 88/2019/QH2014, vì vậy nguồn vốn được chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 là không thực hiện được.		
4	Huyện Than Uyên	Khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, mức hỗ trợ theo thiết kế - dự toán, tối đa không quá 1.600.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 600.000 đồng/ha/năm trong 3 năm tiếp theo có cả kinh phí mua cây giống trồng bổ sung, chiều cao cây giống từ 0,5m trở lên với mật độ trồng bổ sung không quá 800 cây/ha tùy theo mật độ cây tái sinh hiện có. Tuy nhiên, định mức để thực hiện nội dung này quá thấp, do đó khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia	Mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung đã được quy định tại Điều 9 Thông tư số 55/2023/TT-BTC. Do vậy, đề nghị cơ quan chuyên môn của huyện tăng cường công tác tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia nhằm vận động người dân tích cực tham gia thực hiện chương trình. Ngoài ra đối với nội dung mức hỗ trợ của hoạt động lâm sinh thấp so với yêu cầu thực hiện, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền ý kiến với các Bộ, ngành trung ương để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Đề nghị các Bộ, ngành trung ương có quy định rõ ràng về việc cùng một diện tích rừng có được hưởng đồng thời kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng khác của Nhà nước hay không, để tránh các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia - Mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg là “tối đa 1,6 triệu đồng/ha/năm trong	Đề nghị các bộ, ngành trung ương có hướng dẫn quy định cụ thể nội dung trên	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		3 năm đầu và 600 nghìn đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo” trong khi đó yêu cầu về biện pháp kỹ thuật cao (<i>ngoài việc bảo vệ, chống chặt phá cây tái sinh mục đích hiện có; phòng cháy, chữa cháy rừng; phát dọn dây leo, cây bụi và chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích; sửa chồi gốc và tỉa bớt chồi xấu, để lại mỗi gốc không quá 02 chồi và thực hiện vệ sinh rừng còn phải thực hiện trồng, chăm sóc cây trồng bổ sung và cây tái sinh mục đích, làm cỏ, vun xới ...</i>) và yêu cầu nhiều lần chăm sóc “trong 03 năm đầu sau khi trồng, mỗi năm chăm sóc ít nhất 02 lần, các năm sau chăm sóc mỗi năm ít nhất 01 lần tùy thuộc vào trạng thái thực bì” dẫn đến người dân không mặn mà tham gia - Đối với trợ cấp gạo: Văn bản hướng dẫn của trung ương còn bất cập: + Khoản 1 Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT quy định “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định cụ thể đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực”, tuy nhiên hiện chưa có tiêu chí cụ thể để xác định đối tượng hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực; + Quy định về mức trợ cấp (tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT) chưa cụ thể, dẫn đến địa phương khó khăn trong triển khai thực hiện (đã quy định mức trợ cấp là 15 kg gạo/khẩu/tháng nhưng lại quy định “Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đối tượng được trợ cấp, mức trợ cấp cụ thể theo diện tích, số khẩu ...”); + Điều 22 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT quy định thẩm quyền quy định chi tiết cho cả Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh dẫn đến khó khăn cho địa phương khi triển khai.		
IV		Tiểu dự án 2 - dự án 3		
1	Huyện Mường Tè	Nội dung số 01, số 3: Đối với các dự án hỗ trợ sản xuất thuộc chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng	Nội dung này Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu hướng dẫn tại Tờ trình 1868/TTr-SNN; UBND tỉnh đã có văn bản đề	Văn bản số 2080/SNN-

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		bào DTTS&MN hiện nay HĐND tỉnh chưa ban hành Nghị quyết, quy định về định mức hỗ trợ để tổ chức thực hiện (hiện tại các dự án đang tổ chức triển khai theo Thông báo số 73/TB-UBND, ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Lai Châu)	nghey các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tham gia ý kiến trước khi ban hành	KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Huyện Tân Uyên	Nội dung số 01: Hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị: Qua một năm thực hiện, địa phương không có thị trường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, huyện không triển khai được. Văn bản của Trung ương hướng dẫn thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế còn rườm rà, khó hiểu, dẫn chiếu nhiều văn bản, vì vậy khó khăn cho việc nghiên cứu triển khai thực hiện tại cơ sở. Nội dung số 02: Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. Hiện nay, chưa có quy định cụ thể về giá thỏa thuận thuê diện tích đất rừng thực hiện các dự án trồng dược liệu quý.	Nội dung số 01: Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 là Chương trình mới, việc hướng dẫn thực hiện liên quan nhiều bộ ngành. Hiện nay, các sở, ngành đang nỗ lực tham mưu cho UBND tỉnh kiến nghị với các bộ, ngành TƯ thống nhất các nội dung hướng dẫn, trên tinh thần tinh gọn, rõ ràng hơn, để các địa phương thuận tiện áp dụng thực hiện. - Nội dung số 02: Thực hiện thuê đất để thực hiện dự án đề nghị UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Huyện Nậm Nhùn	Nội dung số 01: Khó khăn trong việc đối ứng của Nhân dân, đối tượng thực hiện chủ yếu hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn, không đủ vốn đối ứng. Nội dung số 02: - Chưa có hướng dẫn thực hiện cho thuê dịch vụ môi trường rừng để phát triển trồng cây dược liệu thuộc “Nội dung 2 Dự án 3” gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện. - Khó khăn lớn nhất hiện nay trong thực hiện dự án vùng trồng Dược liệu quý là nguồn vốn không đủ. Trong đó, các dự án phát triển sâm và dược liệu quý triển khai ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số, nên việc đối ứng đầu tư vốn không có. - Việc liên kết tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào sản xuất, phát triển dược liệu còn hạn chế; hợp tác xã chưa mạnh dạn đầu tư	Tại khoản 5 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 27 quy định rõ Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn ...Như vậy 20% còn lại là đối ứng nên khi lập dự án /kế hoạch phân đối ứng còn lại là của nhân dân (nhân dân đối ứng bằng công lao động...) và doanh nghiệp, các bên liên quan đều dự án, kế hoạch liên kết. - Đối với nội dung số 02: + Hiện tại chưa có quy định của pháp luật về thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển dược liệu. Do vậy đề nghị UBND huyện Nậm Nhùn chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu các quy định của pháp luật về hợp đồng hợp tác kinh doanh (theo Luật Đầu tư) và liên doanh, liên kết với chủ rừng để thực hiện hoạt động sản xuất lâm, nông kết hợp trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo quy định tại Điều 25, Điều 30 Nghị định số	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		vào lĩnh vực nông nghiệp, mang tính rủi ro cao.	156/2018/NĐ-CP. + Dự án đầu tư, hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý là dự án liên kết chuỗi giá trị dược liệu. Nhà nước chỉ thực hiện hỗ trợ theo quy định, do vậy đề nghị cơ quan chuyên môn của huyện tích cực tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tham gia liên kết thực hiện dự án.	
4	Huyện Sìn Hồ	Nội dung số 02: Khó khăn trong việc lựa chọn vùng trồng vì vậy việc lựa chọn dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đường giao thông để thực hiện dự án khó thực hiện được (Theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Thông tư 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế). Theo đó tại khoản 3, Điều 1 quy định tổng diện tích các khu vực triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha, không nhất thiết liền thửa bao gồm: các vùng nuôi trồng dược liệu, khu vực nhà xưởng, cơ sở bảo quản, cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước trong phạm vi, quy mô dự án. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tổng hợp khu liên kết vùng trồng. Tuy nhiên đến nay chưa đảm bảo 210ha đáp ứng theo quy định; Mức chi hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm. Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 126 triệu đồng/ha là quá thấp so với thực tế để thực hiện dự án hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý.	- Việc đảm bảo diện tích tối thiểu thực hiện dự án vùng trồng dược liệu quý là 210 ha được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2023/TT-BYT. Do vậy, đề nghị UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đảm bảo theo quy định. - Đối với nội dung diện tích tối thiểu là 210 ha quá lớn, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền kiến nghị Bộ, ngành trung ương xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. - Mức chi hỗ trợ của dự án vùng trồng dược liệu quý được quy định tại Điều 11 Thông tư số 55/2023/TT-BTC. Do dự án vùng trồng dược liệu quý là dự án liên kết chuỗi giá trị dược liệu, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện dự án nên đề nghị cơ quan chuyên môn của huyện nghiên cứu, triển khai đảm bảo theo quy định.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 của Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 có quy định “Tổng diện tích các khu vực triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha, không nhất thiết liền thửa bao	Đề nghị các bộ, ngành trung ương có hướng dẫn quy định cụ thể nội dung trên.	Văn bản số 2080/SNN-KHTC ngày

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		gồm: các vùng nuôi trồng dược liệu, khu vực nhà xưởng, cơ sở bảo quản, cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước trong phạm vi, quy mô dự án. Ưu tiên hỗ trợ dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý có ứng dụng công nghệ cao”. Do không quy định rõ tổng diện tích các khu vực triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha thuộc nhiều dự án khác nhau gộp lại hay một dự án tổng thể trên toàn địa bàn từng xã, hoặc các xã của 01 huyện, hoặc các huyện của tỉnh; chính vì vậy khó khăn cho việc thông báo, tuyển chọn cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị tham gia triển khai thực hiện Dự án trên địa bàn; mặt khác Chính phủ chưa có cơ chế cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu. Mục tiêu thực hiện nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg là “Bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý”. Tuy nhiên, quy định của Bộ Y tế về diện tích triển khai dự án vùng trồng dược liệu quý tối thiểu là 210 ha chưa thực sự phù hợp với mục tiêu trên <i>(diện tích bước đầu phát triển tối thiểu 210 ha đối với một số loài cây dược liệu quý, có giá trị như Sâm Lai Châu, Sâm Ngọc linh, Bảy lá một hoa, Lan Kim tuyến, ... là rất lớn)</i>. - Hiện tại, phần lớn các loài cây dược liệu quý thuộc danh mục 100 loài cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao tại Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế chưa có Tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống, cây giống và định mức kinh tế - kỹ thuật, dẫn đến khó khăn cho các địa phương trong triển khai thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. - Chính sách thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển dược liệu chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; việc phát triển Sâm Lai Châu dưới tán rừng chỉ có thể thực hiện theo hình thức chủ rừng hoặc tổ		21/9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		chức (doanh nghiệp, hợp tác xã) liên kết, hợp tác với chủ rừng để thực hiện sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ. - Chưa có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để thực hiện sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp dưới tán rừng phòng hộ, rừng sản xuất mà “không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng, ảnh hưởng đến tái sinh rừng và khả năng phòng hộ của rừng” theo quy định. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn thực hiện sản xuất bền vững nông, lâm, ngư nghiệp dưới tán rừng phòng hộ, rừng sản xuất, không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, không ảnh hưởng đến tái sinh rừng và khả năng phòng hộ của rừng.		
6	Sở Công Thương	Nội dung 3: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 14, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định nội dung mức hỗ trợ để triển khai các hoạt động kết nối tiêu thụ sản phẩm và đối chiếu các quy định tại Thông tư số 171/2014/TT-BTC, Thông tư số 11/2019/TT-BCT, Thông tư số 40/2020/TT-BCT, gặp khó khăn như sau: - Đối với nội dung tổ chức tuần hàng tại các siêu thị, trung tâm thương mại để giới thiệu quảng bá các sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì chưa có quy định về nội dung chi, mức chi nên không triển khai được hoạt động tổ chức tuần hàng. - Trong trường hợp áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 6 hoặc khoản 6, Điều 6 Thông tư số 171/2014/TT-BTC thì ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% các khoản chi phí để tổ chức hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số; 50% các khoản chi phí còn lại do các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phải đối ứng. Tuy nhiên, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số có quy mô nhỏ,	Để tháo gỡ khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Sở Công Thương kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn rõ dẫn nội dung chi, mức chi về việc tổ chức tuần hàng tại các siêu thị, trung tâm thương mại trong cả nước theo hướng hỗ trợ 100% các khoản chi phí để tổ chức hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Sở Công Thương đã có Văn bản số 1760/SCT-QLTM ngày 13/9/2023

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		năng lực tài chính còn hạn chế, vì vậy việc triển khai tổ chức tuần hàng tại các siêu thị, trung tâm thương mại để giới thiệu quảng bá các sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số gặp khó khăn do không thu hút được các đơn vị tham gia. Mặt khác, việc áp dụng Thông tư số 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hỗ trợ Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia cho hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số là không phù hợp với mục tiêu tổng quát Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là <i>"... thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước; ... cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân;..."</i> .		
V		Tiểu dự án 1 – dự án 4		
1	Ban Dân tộc	Quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình theo Thông tư số 65/TT-BTC có quy định Tại Khoản 1, Điều 3: Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công, như vậy khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.	Tại Điều 16 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định: “Điều 16. Sửa chữa duy tu, bảo dưỡng công trình 1. Công trình sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng a) Sửa chữa, bảo dưỡng trạm y tế xã; b) Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước. 2. Mức kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với từng công trình sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng. 3. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán² a) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC và quy định của pháp luật chuyên ngành về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có); b) Thanh toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng: Thực hiện theo quy định khoản 5 Điều 3 Thông tư này và Thông tư số 65/2021/TT-BTC; c) Riêng đối với kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của	Văn bản số 1420/SXD-QLXD ngày 20/9/2023 của Sở Xây dựng

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.” Theo quy định nêu trên, đối với nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 không quy định nội dung chi cho nâng cấp, cải tạo làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản. Như vậy, việc nâng cấp, cải tạo làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản không thuộc đối tượng và nhiệm vụ chi của Thông tư số 55/2023/TT-BTC	
VI		Tiểu dự án 1 - Dự án 5		
1	Thành phố Lai Châu	Nghị quyết 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 chưa xây dựng nội dung chi cho công tác khảo sát chất lượng đối với các lớp xóa mù chữ như: Tiền mua giấy kiểm tra (01 tờ/học viên/môn/kỳ x 4 môn x 2 kỳ), tiền phô tô đề kiểm tra chất lượng định kỳ, cuối kỳ (01 tờ/học viên/môn/kỳ x 4 môn x 2 kỳ) nên các đơn vị chưa xác định được nguồn kinh phí để thực hiện các nội dung trên. Chưa có văn bản Quy định Bộ danh mục cụ thể triển khai chuyển đổi số cho các đơn vị trường học nên các đơn vị chưa triển khai thực hiện nội dung này Đề nghị UBND tỉnh xem xét tham mưu cho HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 (bổ sung thêm nội dung chi cho công tác khảo sát chất lượng đối với các lớp xóa mù chữ, đề xuất mức chi: 10.000 đồng/học viên/kỳ). Đề nghị sớm ban hành văn bản Quy định Bộ danh mục trang thiết bị cụ thể để có cơ sở triển khai chuyển đổi số đối với những đơn vị đủ điều kiện.	- Nội dung thứ nhất: Không sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND: Lý do căn cứ Khoản 6, điều 20 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và Khoản 6, điều 5 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” quy định: hỗ trợ học phẩm cho học viên áp dụng theo tiêu chuẩn từng bậc học quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT, trong đó không có mục chi hỗ trợ tiền phô tô đề và mua giấy kiểm tra cho học viên. Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 đã quy định hỗ trợ văn phòng phẩm cho 01 người học, trong đó hỗ trợ vở ô li 48 trang: 05 quyển/môn/kỳ; hỗ trợ văn phòng phẩm cho 01 người dạy, trong đó có giấy A4: 02 gram/kỳ. Người dạy và người học sử dụng vật phẩm đã được hỗ trợ để tổ chức ra đề, làm bài kiểm tra đánh giá học viên học Chương trình xóa mù chữ.	Văn bản số 2097/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			- Nội dung thứ hai: Quy định danh mục trang thiết bị cụ thể để có cơ sở triển khai chuyển đổi số: Ngày 26/4/2023 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hướng dẫn số 1856/BGDĐT-GDDT về việc triển khai thực hiện Tiêu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg (thay thế Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó có hướng dẫn: Hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số (cơ sở vật chất phòng lab, phòng học, phòng họp trực tuyến, máy tính, máy chiếu, tivi, màn hình tương tác, hệ thống mạng...).	
2	Huyện Tân Uyên	Chưa được bố trí nguồn kinh phí thực hiện công tác xóa mù chữ trên địa bàn huyện năm 2023, phần nhiệm vụ chi ngân sách địa phương theo Đề án nâng cao chất lượng xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022 - 2025 (Nguồn đối ứng NSDP thực hiện chương trình MTQG)	Căn cứ Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 (tại Khoản 1, Điều 2 quy định nguồn kinh phí thực hiện gồm: Kinh phí đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, bao gồm các nội dung chi: Hỗ trợ hoạt động huy động số người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 tuổi đi học lớp xóa mù chữ; hỗ trợ kinh phí thấp sáng; chi văn phòng phẩm điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ; tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ; Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, bao gồm các nội dung chi: Sách giáo khoa dùng chung, văn phòng phẩm học viên; văn phòng phẩm quản lý lớp học; văn phòng phẩm cho giáo viên dạy lớp xóa mù chữ; hỗ trợ khuyến khích người dân học các lớp xóa mù chữ). Trên cơ sở đề nghị của các huyện, thành phố, Sở Tài chính đã tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung kinh phí cho các huyện, thành phố để thực hiện hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh (đối ứng để thực hiện Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐB DTTS&MN) với số tiền: 12.892 triệu đồng, trong đó huyện Tân Uyên: 2.127 triệu đồng (tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND	Văn bản số 1749/STC-QLNS ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			ngày 13/7/2023)	
3	Huyện Tân Uyên	Đến thời điểm hiện tại Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành sách giáo khoa mới về chương trình xóa mù chữ. Vì vậy các đơn vị trường chưa thực hiện được việc mua sách giáo khoa cho học viên mà đang phải sử dụng mẫu sách giáo khoa cũ.	Hiện tại Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành các Tài liệu dạy và học Chương trình Xóa mù chữ theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT, nhưng Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành 3 văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện (Kế hoạch số 1972/KH-SGDĐT ngày 21/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về mở lớp xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025; Công văn số 373/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 03/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình xóa mù chữ; Công văn số 640/SGDĐT-GDTrH-TX&CN ngày 31/3/2023 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2). Khi chưa có Tài liệu hướng dẫn dạy học, sách giáo khoa xóa mù chữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị tham khảo sách giáo khoa tiểu học hiện hành, tài liệu hướng dẫn khác để chủ động xây dựng kế hoạch dạy học các môn học đảm bảo yêu cầu cần đạt đối với từng kỳ học. Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên và tiếp tục kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm ban hành Tài liệu hướng dẫn dạy học Chương trình xóa mù chữ để đơn vị tổ chức thực hiện.	Văn bản số 2097/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo
VII		Tiểu dự án 2 - Dự án 5		

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ước số dư không thực hiện năm 2023 với tổng số 5.513 triệu đồng. Lý do dư: Thời điểm tháng 4 năm 2022, đơn vị đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và dự kiến tính điểm vốn sự nghiệp Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 5, trong đó có đề xuất toàn bộ sinh viên cử tuyển của tỉnh hưởng chính sách tại nguồn Chương trình MTQG. Tuy nhiên, ngày 30/6/2022 Ủy ban dân tộc có Thông tư số 02/2022/TT-UBND hướng dẫn thực hiện nội dung tiểu dự án 2 thuộc dự án; trong văn bản quy định đối tượng được hưởng là sinh viên dự bị đại học. Do vậy số đối tượng được hưởng ít hơn so với kế hoạch đã lập; theo Công văn số 2775/SGDDĐT-KHTC ngày 30/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, dự toán kinh phí đào tạo đại học: 627 triệu đồng (<i>không được điều chỉnh, do nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn áp dụng theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu áp dụng cho cả giai đoạn từ năm 2021-2025</i>)	Căn cứ điểm b, khoản 2.2, mục 2, phụ lục số 5 kèm theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 quy định phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 46% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2, thuộc dự án 5. Tuy nhiên theo quy định tại Khoản 22, Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban dân tộc quy định đối tượng thụ hưởng chính sách đào tạo dự bị đại học là sinh viên dự bị đại học. Không quy định đối tượng là sinh viên cử tuyển. Do đó, nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung số 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học giao cho Sở Giáo dục & Đào tạo theo nguyên tắc, tiêu chí trên thấp hơn so với số kinh phí được phân bổ. Do đó, Sở Tài chính đề nghị Sở Giáo dục & Đào tạo rà soát số kinh phí đã được giao để thực hiện các nội dung, dự án thành phần không có khả năng thực hiện do không có đối tượng thụ hưởng hoặc không có nhiệm vụ chi, đề xuất phương án điều chỉnh gửi văn bản về Cơ quan thường trực chương trình trước ngày 30/9/2023 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh điều chỉnh đảm bảo theo quy định.	Văn bản số 1749/STC-QLNS ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính
2	Sở Nội vụ	Đối với việc bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 2 hiện tại chưa có chương trình, tài liệu bồi dưỡng	Tại Khoản 1 Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 quy định: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an biên soạn, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 1, 2. Tuy nhiên, tại Khoản 17 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc quy định: Học viện Dân tộc chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu biên soạn chương trình, ban hành tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 3, đối tượng 4 (theo Quyết định số 2771/QĐ-TTg) không quy định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 1, 2. Do vậy, đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm phối hợp với các cơ quan,	Văn bản số 1370/SNV-TCBC ngày 18/9/2023 của Sở Nội vụ

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			đơn vị có liên quan quy định và ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 2.	
3	Huyện Nậm Nhùn	Chưa có hướng dẫn bồi dưỡng tiếng Dân tộc	Tại Khoản 20 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 45 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 quy định việc bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số:	Văn bản số 1370/SNV-TCBC ngày 18/9/2023 của Sở Nội vụ
4	Thành phố Lai Châu	Trên cơ sở Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND. Đề nghị cấp có thẩm quyền theo phân cấp sớm lựa chọn tiếng dân tộc thiểu số phù hợp để thực hiện. Giải pháp: Đề nghị cấp có thẩm quyền theo phân cấp sớm lựa chọn tiếng dân tộc thiểu số phù hợp để thực hiện.	“1. UBND cấp tỉnh giao cho cho một cơ quan trực thuộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn liên quan lựa chọn tiếng dân tộc thiểu số phổ biến, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương để tổ chức, triển khai bồi dưỡng theo quy định. Đối với tiếng dân tộc thiểu số chưa có chữ viết, cơ quan được giao chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, cơ quan chuyên môn liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án bồi dưỡng trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định. 2. Nội dung, chương trình và tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số; Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số trong lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định chung và các quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an”. Mặt khác, tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Lựa chọn các thứ tiếng dân tộc thiểu số cần bồi dưỡng ở địa phương; ban hành chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; kiểm tra và thông báo việc đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và theo quy định tại điểm 5.2.4 mục 5.2, phần V Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh phân công Sở Giáo dục và Đào tạo	

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã. Để việc lựa chọn tiếng dân tộc thiểu số đảm bảo theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Sở Nội vụ đề xuất Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tham mưu UBND tỉnh lựa chọn tiếng dân tộc thiểu số để thực hiện bồi dưỡng theo tiểu dự án 2, dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	
VIII		Tiểu dự án 3 - Dự án 5		
1	Huyện Sìn Hồ	Không thực hiện được vì không có đối tượng học nghề	UBND huyện Sìn Hồ	
IX		Tiểu dự án 4 - Dự án 5		
1	Ban Dân tộc	Ủy ban Dân tộc chưa ban hành bộ tài liệu để thực hiện nội dung “Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp” thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5	Ban Dân tộc	
X		Dự án 6		
1	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch	- Đối tượng thụ hưởng nhiệm vụ tại mục 1.II. <i>Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có dân số ít người</i> trùng với nội dung “<i>Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin – truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào có khó khăn đặc thù của tiểu dự án 1 – dự án 9</i>”. - Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với nội dung	- Đề xuất: Để tránh trùng lặp về nội dung nhiệm vụ và đối tượng thụ hưởng, đề nghị cơ quan chủ trì chương trình Trung ương hướng dẫn không thực hiện nội dung “Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào có khó khăn đặc thù theo Quyết định 1227/QĐ-TTg” của Tiểu dự án 1, dự án 9”, chỉ thực hiện ở nhiệm vụ “Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có dân số ít người” của dự án 6. - Đề xuất: Đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn	Văn bản số 1545/BC-SVHTTDL ngày 19/9/2023 của Sở Văn hóa, TT&DL

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		kiểm kê di sản văn hóa vật thể truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số (<i>Đối với di sản văn hóa phi vật thể thực hiện theo Thông tư số 04/2010/TTBVHTTDL, nội dung khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa vật thể hiện chưa có văn bản hướng dẫn hoặc Thông tư quy định cụ thể để các địa phương áp dụng thực hiện</i>). - Chưa ban hành chính sách hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, mà nghệ nhân chỉ được hưởng chế độ khi tham gia các hoạt động truyền dạy.	khi thực hiện kiểm kê đối với lĩnh vực văn hoá vật thể vận dụng mẫu phiếu theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL quy định việc kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể để đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. - Tại Công văn số 739/BVHTTDL-KHTC ngày 03/3/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch về thực hiện Công điện số 71/CD-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng chính phủ đối với Dự án 6 - Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trả lời: “Hỗ trợ kinh phí cho nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận được quy định tại khoản 4, Điều 34 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022, theo đó: Hỗ trợ nghệ nhân ưu tú 800.000 đồng/ngày, nghệ nhân nhân dân 1.000.000 đồng/ngày. Số ngày hỗ trợ theo quyết định của cơ quan được giao nhiệm vụ và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nếu có); đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền gia. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng đối tượng và định mức của Thông tư 15/2022/TT-BTC. Việc mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách trên, bao gồm cả nghệ nhân và người thực hành di sản văn hóa phi vật thể là cần thiết. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ tổng hợp kiến nghị, đề xuất của địa phương trong quá trình triển khai dự án đề đề xuất với Bộ Tài chính nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung Thông tư 15/2022/TT-BTC vào thời điểm thích hợp”. Tuy nhiên, mức chi đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú nêu trên chỉ thực hiện khi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú tham gia các lớp truyền dạy, còn chính sách hỗ trợ nghệ nhân là chưa có theo báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình	

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 20230 của Ủy ban dân tộc, cụ thể: Theo báo cáo nghiên cứu khả thi tại trang 82 mục “3.4. Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận. - Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách đối với các nghệ nhân: trợ cấp hàng tháng, y tế, bảo hiểm xã hội, giao thông công cộng, mai táng, tạo điều kiện về không gian và cơ sở vật chất để thực hành truyền dạy di sản. - Hỗ trợ các nghệ nhân tổ chức nghiên cứu, sưu tầm và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể. - Định mức kinh phí hỗ trợ bình quân là 01 tháng lương cơ bản/ngheñhân/tháng”. Do vậy, khi thực hiện đề xuất phân bổ vốn bằng phương pháp tính điểm thực hiện hỗ trợ trên số nghệ nhân. Đề xuất: Đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn địa phương chưa thực hiện chỉ tiêu hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú khi chưa có chính sách và điều chỉnh kinh phí hỗ trợ thực hiện nội dung này sang thực hiện nhiệm vụ khác phù hợp với thực tiễn địa phương và quy định hiện hành.	
XI		Dự án 7		
1	Sở Y tế	- Chưa triển khai được nội dung “Hỗ trợ để cải thiện sức khỏe và dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh...”. Do vướng mắc trong việc lựa chọn sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng. Hiện tại trên thị trường không có sản phẩm có hàm lượng phù hợp theo hướng dẫn tại Quyết định 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế	- Ngày 21/9/2023, Vụ Sức khỏe bà mẹ trẻ em Bộ Y tế đã có công văn 6016/BYT-BMTE hướng dẫn cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ 6-23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng trong CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN. Sở Y tế đã có công văn 1796/SYT-KHTC ngày 22/9/2023 chỉ đạo đơn vị chuyên môn thực hiện.	Văn bản số 1819/SYT-KHTC ngày 25/9/2023

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		- Các hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đa số chỉ được triển khai thực hiện tại các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy Ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Tỉnh Lai Châu có 78 thôn thuộc xã khu vực I và 14 thôn thuộc xã khu vực II là thôn đặc biệt khó khăn song người dân là đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn này lại không được hỗ trợ thực hiện dịch vụ từ kinh phí của chương trình.	- Sở Y tế đã có báo cáo số 277/BC-SYT ngày 30/6/2023 và Công văn số 1735/SYT-KHTC ngày 18/9/2023 gửi Bộ Y tế V/v đề nghị điều chỉnh, sửa đổi Quyết định 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế. Đề nghị Bộ Y tế căn cứ Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phạm vi, đối tượng để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế cho phù hợp đảm bảo tất cả 100% các xã khu vực I, II, III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ nơi có đồng bào DTTS sinh sống đều được hưởng chính sách hỗ trợ từ chương trình.	
XII		Dự án 8		
1	Huyện Sìn Hồ	Nội dung và kinh phí thực hiện theo Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT, ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam; Không đồng nhất Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.	- Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 20230, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 đã hết hiệu lực từ ngày 15/8/2023 và được thay thế bằng Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025. - Sau khi có Thông tư 55, Hội LHPN đã họp với Hội LHPN các huyện, thành phố rà soát lại toàn bộ nội dung và hoạt động của Dự án 8. - Hội LHPN tỉnh đã có văn bản đề nghị với TW Hội LHPN Việt Nam điều chỉnh, bổ sung Hướng dẫn 04 cho sát với Thông tư 55 của Bộ Tài Chính (hiện tại TW Hội LHPN Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi chưa ban hành văn bản).	Văn bản số 480/CV-TGCSLP ngày 18/9/2023 của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh
2	Huyện Phong Thổ	- Theo hướng dẫn số 04/HD-ĐCT, ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam. Nội dung, định	- Hướng dẫn 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam đã định hướng cụ thể các nội dung và	Văn bản số 480/CV-

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		hướng hoạt động của dự án trong Hướng dẫn 04 còn chung chung chưa cụ thể lên nhiều hoạt động khó thực hiện ở cơ sở. - Các nội dung hoạt động giai đoạn của Dự án xây dựng theo Thông tư 15 của Bộ Tài chính đã hết hiệu lực. - Theo HD 04: Đối tượng thụ hưởng của dự án là phụ nữ và trẻ em gái tuy nhiên khi triển khai thực hiện một số hoạt động như: Thành lập Tổ truyền thông cộng đồng, Địa chỉ tin cậy, CLB thủ lĩnh có cả thành phần nam giới tham gia. Việc chi chế độ cho các thành viên khi tham gia các hoạt động của Dự án sẽ không đúng đối tượng. - Đề nghị làm rõ mức chi 3.000.000 đ/mô hình tổ truyền thông CĐ (1 tổ là 1 mô hình hay 1 mô hình có nhiều tổ) - Theo Thông tư 55 việc duy trì các mô hình, tổ TTCD, CLB Thủ lĩnh <i>kinh phí hỗ trợ duy trì mô hình được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương</i> tùy theo điều kiện, khả năng cân đối của tương địa phương theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành => Đề nghị UBND tỉnh bổ sung kinh phí hỗ trợ duy trì các mô hình. - Tại Thông tư 55, Điều 4. Khoản 1, điểm a... chi hỗ trợ tiền ăn trong thời gian học tập trung tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú => Đề nghị bổ sung tiền lưu trú ngày đi và về.	phân cấp thực hiện khá rõ ràng. Tuy nhiên về đối tượng và 1 số nội dung chưa sát với Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Hội LHPN tỉnh đã có văn bản đề nghị với TW Hội LHPN Việt Nam điều chỉnh, bổ sung Hướng dẫn 04 và đề nghị với UBND tỉnh đề xuất sửa đổi Quyết định 1719 (hiện nay TW Hội LHPN Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi Hướng dẫn 04 và Chính phủ chưa có văn bản sửa đổi Quyết định 1719). - Các hoạt động Dự án 8 phải bám sát Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 (thay thế cho Thông tư 15). - Hội LHPN tỉnh đề xuất với Chính phủ bổ sung đối tượng trong Quyết định 1719. - Để đề xuất với TW Hội LHPN Việt Nam làm rõ nội dung 3 triệu/tổ truyền thông cộng đồng (do khái niệm về “Mô hình” và “Tổ truyền thông” là khác nhau, nên khó khăn trong việc chi trả. - Hội LHPN tỉnh đề nghị UBND tỉnh bổ sung kinh phí hỗ trợ duy trì các mô hình. - Đề xuất với Bộ tài chính bổ sung chi hỗ trợ tiền ăn ngày đi và về cho học viên.	TGCSLP ngày 18/9/2023 của Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		- Theo Thông tư 55, Điều 38, khoản 1 không có nội dung chi cho hoạt động: Hỗ trợ kỹ thuật cho xã tổ chức tọa đàm đối thoại tại cụm thôn bản => Đề nghị bổ sung. - Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND tỉnh Lai Châu tại Điều 12, khoản 1 quy định mức thuê hội trường trong những ngày tổ chức hội nghị. VD: hội nghị tổ chức tại thành phố dưới 100 đại biểu, mức thuê tối đa 1.500.000đ/buổi, theo điểm d trường hợp tổ chức cả ngày mức thuê tối đa bằng ½ lần mức thuê của 1 buổi, tức là cả ngày mức thuê tối đa 1.800.000đ (thấp hơn giá thuê thực tế hiện nay) => Đề nghị Nâng định mức thuê hội trường theo giá thực tế. - Đề nghị UBND tỉnh làm rõ các mức chi hoạt động của Dự án theo các Thông tư của Bộ Tài Chính hay các văn bản của HĐND và UBND tỉnh. - Đề nghị Hội LHPN tỉnh tham mưu cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn thực hiện các hoạt động của Dự án 8.	- Đề xuất với Bộ tài chính bổ sung chi hỗ trợ kỹ thuật cho xã tổ chức tọa đàm đối thoại tại cụm thôn bản. - Đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh nâng định mức thuê hội trường theo giá thực tế để đảm bảo điều kiện tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Dự án 8 tại tỉnh. - Hội LHPN tỉnh đã ban hành 21 văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện dự án (01 quyết định, 08 kế hoạch, 16 công văn, 03 báo cáo) trên cơ sở bám sát văn bản chỉ đạo của Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các văn bản chỉ đạo của cấp trên. - 1 số hoạt động Trung ương Hội LHPN Việt Nam chưa có văn bản hướng dẫn triển khai. Cụ thể: gói sinh đẻ an toàn; phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản; mô hình hỗ trợ phát triển.	
XIII		Tiểu Dự án 1- Dự án 9		
1	Huyện Nậm Nhùn	- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất: Thông tư 55 quy định 10 triệu/hộ/năm, vì số kinh phí hỗ trợ một năm không đáp ứng được tiêu chuẩn mua con giống theo quy định và đối với dân tộc đặc thù (Cống, Mảng) không có điều kiện đối ứng 30% giá trị giống	- Nội dung số 01: Tại điểm a, Khoản 2, Điều 40 của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính đã quy định cụ thể: Đối với các hộ dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù được “Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm: Tối đa 10 triệu đồng/hộ/năm”.... Tuy nhiên tại điểm c, Khoản 3, Điều 1 của Quyết định 06/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1- Dự án 3: Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-	- Văn bản số 1749/STC-QLNS ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		- Nội dung số 05: Xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản. Chưa có hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc. - Đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế, theo quy định tại khoản 2, Điều 42 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính thì quy định hỗ trợ giống, chuồng trại, vắc xin cho cả giai đoạn 2021-2025 tối đa không quá 20 triệu đồng/hộ; tuy nhiên, theo khoản 2, Điều 40, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính thì lại quy định hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ/năm. Như vậy, đối với các đối tượng đã được hưởng theo quy định tại mức tối đa của Thông tư 15 thì những năm tiếp theo có được hưởng tiếp theo quy định tại Thông tư 55 nữa hay không.	2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu như đề nghị của UBND huyện quy định: Chăn nuôi: "Hỗ trợ 70% chi phí mua con giống, 100% chi phí vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi. Đối với dự án chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê chỉ hỗ trợ chăn nuôi theo hướng sinh sản" không thuộc đối tượng Tiểu dự án 1- Dự án 9 của CTMTQG PTKT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Do đó, đề nghị UBND huyện Nậm Nhùn tổ chức triển khai đảm bảo theo quy định. - Nội dung số 05: Ủy ban Dân tộc đã hướng dẫn tại khoản 30 điều 1, thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc. Đề nghị UBND huyện Nậm Nhùn nghiên cứu triển khai thực hiện. - Tại Khoản 1, Điều 126 của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định “Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan”. Tuy nhiên việc áp dụng nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế tại Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 còn có cách hiểu khác nhau. Do đó đề nghị Ủy ban dân tộc tỉnh sớm có văn bản gửi các Bộ, ngành trung ương kịp thời hướng dẫn để thống nhất trong tổ chức thực hiện.	- Văn bản số 710/BDT-CSDT ngày 21/9/2023 của Ban Dân tộc - Văn bản số 1749/STC-QLNS ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính
2	Huyện Sìn Hồ	Tổng số vốn giao năm 2022-2023 là 18.533 triệu đồng, giải ngân khoảng 333 triệu đồng; số tiền 18.200 triệu đồng không giải ngân được do trên địa bàn huyện dân tộc có khó khăn đặc thù ít	Đề nghị UBND huyện Sìn Hồ rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách, nhu cầu và khả năng thực hiện kinh phí. Trường hợp không có nhu cầu sử dụng kinh phí thì lập Tờ trình báo cáo cơ quan Thường trực Chương trình về phương án điều chỉnh kinh phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí và hạn chế kinh phí không có khả năng thực hiện phải hoàn trả ngân sách Trung ương.	Văn bản số 1749/STC-QLNS ngày 19/9/2023 của Sở Tài chính

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
XIV		Tiểu Dự án 2- Dự án 9		
1	Huyện Phong Thổ	Tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Đối với cấp Huyện, thành phố chỉ được thực hiện các nội dung "Công tác tư vấn, can thiệp lồng ghép và Duy trì, triển khai, nhân rộng mô hình Thông tư số 02/TT-UBND và Thông tư số 55/TT-BTC), không được thực hiện nội dung "Truyền thông, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ". Do đó, khó thực hiện	Hiện tại đối với “công tác Truyền thông” trong thực hiện Tiểu dự án 2 -Dự án 9 về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống... theo Quyết định số 749/QĐ-UBND của UBND tỉnh phân cấp như sau: cấp tỉnh đã giao 03 đơn vị tổ chức thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, gồm: Ban Dân tộc; Sở Tư pháp và sở Giáo dục và Đào tạo. Cấp huyện thực hiện 3 nội dung. Với ý kiến này, hiện nay Ban Dân tộc là cơ quan thường trực chương trình mục tiêu quốc gia đang tổng hợp đưa vào đề xuất xem xét Dự thảo điều chỉnh trình UBND tỉnh sửa đổi Quyết định số 749/QĐ-UBND khi hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình của chính phủ, các bộ ngành sửa đổi, ban hành đầy đủ.	Văn bản số 710/BDT-CSDT ngày 21/9/2023 của Ban Dân tộc
2	Huyện Tân Uyên	Theo Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu, UBND các huyện, thành phố được giao thực hiện 03 nội dung trong Tiểu dự án 2, dự án 9 là: (1) Tăng cường hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số, kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân. (2) Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. (3) Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện mô hình, dự án và thực hiện các chính sách. Tuy nhiên, chưa có văn bản của cấp trên hướng dẫn xây dựng các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số, kế hoạch hóa gia đình, 3dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh	Theo Điều 61 Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc “ Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào DTTS&MN” đối với nội dung này về các hoạt động tư vấn can thiệp tại dự án 9.2 lồng ghép với các chương trình dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất thuộc Dự án 7. Về việc hướng dẫn xây dựng các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân đề nghị UBND huyện nghiên cứu tại Quyết định 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ y tế.	Văn bản số 710/BDT-CSDT ngày 21/9/2023 của Ban Dân tộc

TT	Đơn vị kiến nghị	Nội dung các khó khăn, vướng mắc	Nội dung trả lời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
		vực hôn nhân. Vì vậy khó khăn trong việc triển khai thực hiện; Trong Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh không phân cấp nhiệm vụ "Truyền thông nâng cao nhận thức"		
3	Ban Dân tộc	Ủy ban Dân tộc chưa thống nhất về đối tượng và chưa ban hành tiêu chí lựa chọn, công nhận cụ thể về đối tượng “cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” với “lực lượng cốt cán”.	Ban Dân tộc	
XV		Tiểu Dự án 1- Dự án 10		
1	Huyện Phong Thổ	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín (Tại Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lai Châu) quy định, đối với cấp huyện chỉ được đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại một số địa phương trong tỉnh; Tuy nhiên, các văn bản (Quyết định số 1719/QĐ-TTg, Thông tư số 02/TT-UBND và Thông tư số 15/TT-BTC) không có quy định nào là cấp huyện không được đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm ngoài tỉnh.	Hiện nay, đối với thực hiện chính sách cho người có uy tín theo Chương trình mục tiêu quốc gia (tiểu dự án 1 - Dự án 10) nội dung giao lưu, học tập kinh nghiệm đã được quy định cụ thể tại Mục 1 Điều 65 trang 20 của thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc. và Điều 46 trang 46 của Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ tài Chính về việc quy định quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Đề nghị UBND huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiên cứu để tham mưu tổ chức thực hiện đảm bảo quy định.	Văn bản số 710/BDT-CSDT ngày 21/9/2023 của Ban Dân tộc